TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **175**/2019/DS-ST
Ngày: 17/9/2019
V/v tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Trang

2. Bà Võ Thị Mỹ Trang

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại A.**

Địa chỉ: Số B, khu phố M, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Trường X, sinh năm 1991 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Thanh L**, sinh năm 1978 *(vắng mặt không lý do)*.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại A chuyên kinh doanh mặt hàng các loại vải. Từ ngày 28/02/2017, anh Bùi Thanh L có đến công ty mua vải để may gia công vỏ nệm và bán lại cho các đại lý trên địa bàn. Việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, thanh toán ngay bằng tiền mặt và có xuất hóa đơn. Khi mua hàng vào các ngày 28/02/2017, ngày 08/3/2017 và ngày 21/3/2017, anh L thanh toán đủ tiền hàng cho công ty. Tuy nhiên, các lần mua hàng vào ngày 02/3/2017, anh L nợ lại số tiền 6.000.000 đồng và ngày 17/3/2017, anh L còn nợ lại số tiền 1.000.000 đồng; đến ngày 21/3/2017, anh L có trả được 2.000.000 đồng và tiếp tục nợ lại 5.000.000 đồng. Sau đó, do đã tạo được uy tín với công ty nên lần mua hàng vào ngày 28/3/2017, công ty đồng ý cho anh L nợ lại số tiền 17.367.000 đồng, anh L hẹn chuyển hàng sau sẽ thanh toán hết. Ngày 30/3/2017, anh L mua hàng với số tiền 19.800.000 đồng chỉ thanh toán được 2.167.000 đồng, số tiền còn nợ lại cùng với 02 khoản trên tổng cộng là 40.000.000 đồng và anh L có ký xác nhận nợ. Sau đó, công ty vẫn tiếp tục bán hàng cho anh L vào các ngày 12/4/2017, ngày 17/4/2017, ngày 06/5/2017, ngày 17/5/2017, ngày 25/5/2017, ngày 01/6/2017 và ngày 06/6/2017, thì anh L đều thanh toán tiền mặt đầy đủ nhưng vẫn còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng. Do thanh toán tiền mặt đầy đủ nên công ty cho anh L tiếp tục nợ lại các lần mua hàng vào ngày 14/7/2017 là 20.560.000 đồng và ngày 25/8/2017 là 6.273.000 đồng, khi đó tổng số tiền nợ lên đến 66.833.000 đồng. Đến ngày 21/12/2017, anh L có trả cho công ty được 10.000.000 đồng và ngày 16/3/2018, anh tiếp tục trả 4.000.000 đồng; còn nợ lại 52.833.000 đồng đến nay chưa trả. Nay công ty yêu cầu anh L trả số tiền vốn còn nợ là 52.833.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/3/2018 đến nay với mức lãi suất do pháp luật quy định. Thời hạn trả: Công ty yêu cầu anh L trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, công ty không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Thanh L vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét sự vắng mặt của bị đơn Bùi Thanh L tại phiên tòa, dù anh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do nên cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại A về việc yêu cầu anh L trả tiền mua vải còn nợ lại tổng cộng 52.833.000 đồng là

có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, công ty có cung cấp bản chính Giấy tay ghi nợ tính đến ngày 30/3/2017 và các hóa đơn bán hàng vào các ngày 30/3/2017, ngày 14/7/2017, ngày 25/8/2017 có chữ ký xác nhận nợ của anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của công ty; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh L đã mặc nhiên thừa nhận có mua vải của công ty và hiện còn nợ lại công ty số tiền 52.833.000 đồng như đại diện công ty đã trình bày. Cho thấy, việc công ty khởi kiện yêu cầu anh L trả số tiền mua vải còn nợ lại như nêu trên là có cơ sở, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Công ty yêu cầu anh L trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/3/2018 đến nay là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, đối với các lần mua hàng hiện anh L còn nợ lại đến nay thì hai bên đã thỏa thuận anh L phải có nghĩa vụ thanh toán đủ tiền hàng vào chuyến mua hàng lần sau nhưng kể từ lần mua hàng cuối cùng vào ngày 25/8/2017 đến nay thì anh L vẫn chưa thanh toán hết nợ cho công ty. Do đó, anh L phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo yêu cầu của Công ty tính từ ngày 16/3/2018 (thời điểm trả nợ lần sau cùng) cho đến ngày 17/9/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 với số tiền là: 52.833.000 đồng x 0,835%/tháng x 18 tháng = 7.941.000 đồng.

[5] Về thời hạn trả: Công ty yêu cầu anh L trả nợ 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà hai bên thỏa thuận, nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty nên cần buộc anh L trả tiền theo thời hạn mà công ty yêu cầu là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên anh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.038.700 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- *Khoản 2 Điều 92, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại A. Buộc anh Bùi Thanh L có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền mua vải còn nợ là 52.833.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 7.941.000 đồng, tổng cộng là **60.774.000 đồng** *(Sáu mươi triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)*. Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.038.700 đồng.

- Hoàn lại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.630.000 đồng theo biên lai thu số 46771 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với anh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày anh nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND H. Gò Công Đông;
- CC.THADS H. Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thiền